

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày: 21/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lâm Ngọc Hà**

2. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Luận** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; Tên gọi khác: T C; Nơi sinh: Sóc Trăng. Nơi cư trú: số 197/34/6, đường H, k7, p2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị B; Có vợ và 02 con; Tiền án: có 02 tiền án (vào ngày 05/5/2005, bị Tòa án nhân dân thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/4/2009. Đến ngày 12/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 09 năm tù về “Tội cướp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/6/2018); Tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/9/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Người bị hại: Ông **Bùi Trần T**, sinh năm 1949, nơi cư trú: ấp T A2, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Biện Thị Út Q**, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số 662, Q, k7, p2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978, nơi cư trú: **Số 197/34/6, đường H, k7, p2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).**

3. Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1957, nơi cư trú: **Số 197/34/6, đường H, k7, p2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).**

- *Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng):* Bà **Nguyễn Thị D.** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983, nơi cư trú số 197/34/6, đường H, k7, p2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là đối tượng thường xuyên sử dụng ma túy và không có nghề nghiệp ổn định.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 07/9/2018, bị cáo Nguyễn Văn Đ đi bộ từ nhà đến quán cà phê của bà Biện Thị Út Q, sinh năm 1985, địa chỉ số 662, k7, p2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để uống cà phê. Tại đây, Đ có hỏi mượn chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SIRIUS, biển kiểm soát 83S1 – 8586 của bà Q để điều khiển chạy đi thăm bạn của Đại ở huyện M, tỉnh Sóc Trăng, thì bà Q đồng ý.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô nói trên chạy theo tuyến QA, hướng từ thành phố S đến thị trấn C, huyện Châu Thành để rẽ vào tỉnh lộ 939B đi huyện M. Khi đến Nhà nguyện C (Nhà nguyện của đạo Thiên Chúa giáo), thuộc khu vực ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì Đ nhìn thấy bên trong Nhà nguyện có công trình đang xây dựng, nên Đ điều khiển xe chạy vào với mục đích là để hỏi xin việc làm phụ hồ (lúc này khoảng 12 giờ cùng ngày). Sau đó, Đ quan sát trong khu vực Nhà nguyện không có ai trông giữ và thấy cánh cửa phòng khách nhà xứ mở ra, nên Đ nảy sinh ý định lén lút chiếm đoạt tài sản. Tiếp đó, Đ đi vào bên trong phòng khách nhà xứ thì phát hiện thấy 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, màu đen đang để trên bàn của ông Bùi Trần T (là linh mục của nhà nguyện C) nên Đ lấy máy tính bảng nói trên rồi điều khiển xe mô tô chạy về nhà cất giấu máy tính vào hộc tủ bàn trong phòng ngủ của bà Nguyễn Thị T (chị ruột của Đ) nhằm mục đích để sử dụng.

Sau khi phát hiện bị mất máy tính thì ông Bùi Trần T đã đến Công an xã H để trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tố giác của ông T, Công an xã thấy có dấu hiệu của tội phạm nên chuyển nguồn tin báo tội phạm nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình kiểm tra, xác minh do có nghi vấn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành mời Nguyễn Văn Đ đến cơ quan để làm việc và ghi lời khai. Tại đây, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận việc lấy trộm máy tính bảng nói trên của ông T.

Đến ngày 12/9/2018, trong lúc quét dọn phòng ngủ, thì bà Nguyễn Thị T phát hiện máy tính bảng nói trên nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành để tạm giữ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/2018/HĐĐG-TCKH ngày 13/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei 351823/08/084806/2, tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 07/9/2018 có giá trị thành tiền là 4.285.000 đồng.

Đến ngày 13/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam Nguyễn Văn Đ về “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giữ:

+ 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei 351823/08/084806/2.

+ 01 xe mô tô, nhãn hiệu SIRIUS, màu xanh đen, biển kiểm soát 83S1 – 8586; 01 giấy đăng ký xe mô tô, số 022288, biển kiểm soát 83S1 – 8586.

+ 01 áo sơ mi, sọc caro màu trắng – xanh – đen; ngắn tay, phía trước trên áo có in chữ “Lee”.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ ngày 19/9/2018 giao trả máy tính bảng nói trên cho chủ sở hữu ông Bùi Trần T; Ra quyết định xử lý vật chứng số 46/QĐ ngày 24/10/2018 giao trả xe mô tô biển kiểm soát 83S1 – 8586 và giấy đăng ký xe nói trên cho chủ sở hữu là bà Biện Thị Út Q.

Đến giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã ra quyết định trả lại tài sản số 02/QĐ – VKS ngày 02/11/2018, giao trả 01 áo sơ mi, sọc caro màu trắng – xanh – đen; ngắn tay, phía trước trên áo có in chữ “Lee” cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Bùi Trần T đã nhận lại tài sản bị trộm là máy tính bảng nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei 351823/08/084806/2, không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS-CT ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về “Tội Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Còn người bị hại ông Bùi Trần T yêu cầu Tòa xử

phạt bị cáo nghiêm theo đúng quy định của pháp luật và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số 31/CT-VKS-CT ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 04 năm đến 05 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Về xử lý vật chứng: đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, truy tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B và bà Nguyễn Thị T (là mẹ và chị của bị cáo Đ) và bà Biện Thị Út Q: trong quá trình điều tra đã xác định những người này không biết bị cáo Đ trộm cắp tài sản và cũng như không có vai trò đồng phạm nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm xử lý hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên huyện Châu Thành trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, Biện Thị Út Q và người làm chứng bà Nguyễn Thị D. Những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nhưng trong quá trình điều tra vụ án đã có lời khai cụ thể, đầy đủ và rõ ràng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người nêu trên theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Xét lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản

tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 12/9/2018, Bản ảnh tang vật, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 12 giờ, ngày 07/9/2018 bị cáo Nguyễn Văn Đ đi vào Nhà nguyện C (Nhà nguyện của đạo Thiên chúa Giáo), thuộc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, sau khi quan sát trong khu vực Nhà nguyện không có ai trông giữ và thấy cánh cửa phòng khách của nhà xứ mở ra nên Đ nảy sinh ý định kiểm tài sản để trộm, bị cáo Đ tiếp tục đi vào bên trong phòng khách nhà xứ thì thấy 01 máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, màu đen để trên bàn nên Đ lấy trộm máy tính bảng nêu trên rồi đi ra điều khiển xe mô tô chạy về nhà tại số 197/34/6, đường H, k7, p2, thành phố S cất giấu vào hộc tủ bàn trong phòng ngủ của bà Nguyễn Thị T là chị ruột của Đ, máy tính bảng bị cáo Đ trộm giá trị tài sản là 4.285.000 đồng. Cho nên, có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, nhưng chỉ vì muốn thừa hưởng thành quả lao động, của cải vật chất của người khác mà bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút để trộm cắp tài sản của người bị hại ông Bùi Trần T một cách trái pháp luật nên bị cáo phải chịu hậu quả pháp lý về trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra. Do bị cáo đã có 02 tiền án về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp tài sản”, bị cáo đã phạm tội cướp tài sản với tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/6/2018, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội cố ý nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số 31/CT-VKS-CT ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không làm oan, sai cho bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của bị hại một cách trái pháp luật mà còn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội ở địa phương, làm cho người dân lao động nơi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không an tâm lao động sản xuất. Do đó, cần phải có một mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định để bị cáo tiếp tục học tập, cải tạo, sửa chữa sai lầm của mình và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, trước khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên

tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn do giá trị tài sản bị cáo trộm chỉ có 4.285.000 đồng và nhanh chóng được các cơ quan chức năng thu hồi, không bị hư hỏng thiệt hại gì, thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà đáng lẽ ra bị cáo phải chịu nhằm tương xứng với hành vi và hậu quả phạm tội của bị cáo gây ra.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại ông Bùi Trần T không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, truy tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị B, bà Nguyễn Thị T (là mẹ và chị của bị cáo Đ) và bà Biện Thị Út Q: trong quá trình điều tra đã chứng minh những người này không biết bị cáo Đ trộm cắp tài sản và cũng như không có vai trò đồng phạm với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm xử lý hình sự đối với họ.

- Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, về bồi thường trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, vị Kiểm sát viên không đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội gây thiệt hại không lớn” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan nội dung của vụ án để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích, nhận định nêu trên.

- Xét yêu cầu của người bị hại ông Bùi Trần T về việc xử lý trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo nghiêm theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 293; Điều 299; Điều 333; Điều 338 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam 13/9/2018.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, truy tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với những người vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoãn thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VK SND huyện Châu Thành;
- Bị cáo, người bị hại;
- Người có QL và NVLQ;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- CQ.THA HS Công an huyện Châu Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha